

Bản án số: 73 /2017/HSST
Ngày : 24 - 10 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thư
2. Ông Lê Quang Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Giáp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

- Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Nghi Lộc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thái Phụng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2017/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn D**, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1985 tại phường H, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: khối 8, phường H, thị xã C, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P (Đã chết) và bà Trần Thị C (sinh năm 1960); có vợ Nguyễn Thị H (sinh năm 1994) và có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; nhân thân : năm 2012 bị TAND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tự về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo bản án số 124/HSST/2012 ngày 18/4/2012; đã thi hành xong ngày 05/7/2012; bị bắt, tạm giam từ ngày 09/8/2017. Có mặt.

-Người bị hại: anh Nguyễn Nhân H, sinh năm 1984
Nơi cư trú: xóm T, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị C, sinh năm 1960.
Nơi cư trú: khối 8, phường H, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

-Người làm chứng: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994
Nơi cư trú: khối 8, phường H, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 04/8/2017, Phạm Văn D đi xe máy đến nhà bạn ở xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An, khi đi qua xưởng Cơ khí của anh Nguyễn Nhân H, D phát hiện thấy phía trước cửa nhà xưởng của anh Nguyễn Nhân H có 02 khung sắt, trong đó có 01 (một) khung Inox sơn màu đỏ kích thước 1,8 x 0,9m và 01 (một) khung sắt sơn màu trắng có kích thước 3,1 x 1m. D đó nảy sinh ý định lấy trộm hai khung sắt nói trên. Quan sát thấy không có người trông giữ, bảo vệ nên D đó sử dụng xe máy biển kiểm soát 37S1- 05520 chở khung sắt Inox màu đỏ (kích thước 1,8 x 0,9m) về nhà cất giữ. Sau khi về nhà D đi đến chợ H (thuộc phường H, thị xã C) đón vợ là Nguyễn Thị H về nhà. Lúc về nhà thì chị H thấy khung sắt và hỏi D: “Khung sắt ở mô đây?”. D nói với chị H: “Khung sắt mua, còn một khung nữa đi với anh để lấy về”; chị H đồng ý và đi xe máy biển kiểm soát 37S1- 05520 cùng chồng đến xưởng cơ khí của anh H để lấy khung sắt còn lại. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì D và chị H đến trước xưởng cơ khí của anh H, lúc này D quan sát xung quanh không thấy có người trông coi. D đi xe máy lại trước cửa xưởng cơ khí của anh H, tại đây chị H hỏi D: “Răng không thấy ai?”; D nói với chị H: “Anh trả tiền trước rồi, đưa về nữa thôi”, sau đó D cùng chị H khiêng khung sắt đặt lên xe máy, chị H ngồi sau giữ đưa về nhà tại khối 8, phường H, thị xã C, tỉnh Nghệ An cất giữ. Đến ngày 08/8/2017 anh Nguyễn Nhân H biết được Phạm Văn D lấy trộm tài sản của mình nên đã đến nhà hỏi, lúc này chị Nguyễn Thị H biết việc lấy hai khung sắt trên là trộm cắp tài sản nên đã khuyên chồng mang hai khung sắt đến trả lại cho anh Nguyễn Nhân H.

Đến 8 giờ ngày 09 tháng 8 năm 2017, sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện Phạm Văn D đã đến Cơ quan điều tra, Công an huyện N để đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 46/KL.ĐG ngày 10/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của huyện N xác định tổng trị giá của 02 khung cửa sổ tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 2.305.000đồng (Hai triệu, ba trăm linh năm nghìn đồng).

Tại phiên tòa Phạm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo không có ý kiến gì đối với kết luận định giá tài sản; không khiếu nại gì về các quyết định cũng như các hành vi của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Tại bản cáo trạng số 74/VKS-HS ngày 16/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Văn D về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm

2015, xử phạt Phạm Văn D từ 09 đến 12 tháng tù; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về dân sự: Bị cáo đã trả lại tài sản cho người bị hại, nay người bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghi Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa Phạm Văn D đã khai nhận khoảng 11 giờ ngày 04 tháng 8 năm 2017, khi đi qua xưởng cơ khí của anh Nguyễn Nhân H tại xóm T, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An, quan sát thấy không có người trông giữ, D đã lén lút chiếm đoạt 02 khung sắt Inox (trong đó có 01 khung Inox sơn màu đỏ kích thước 1,8 x 0,9m và 01 khung sắt sơn màu trắng có kích thước 3,1 x 1m) của anh Nguyễn Nhân H. Trị giá của 02 khung sắt Inox D đã chiếm đoạt là 2.305.000 đồng. Lời khai tại phiên tòa của bị cáo đã phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện. Về nhân thân bị cáo đã bị Tòa án kết án hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Do vậy cần phải xử lý nghiêm và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Nhưng xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản cho người bị hại; thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Nghi Lộc đầu thú; mẹ bị cáo là người có tham gia quân đội và làm nhiệm vụ Quốc tế tại nước Lào sau ngày 30/4/1975; là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều

46 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

- Về hình phạt bổ sung: đối với loại tội trộm cắp tài sản còn có thể bị xử phạt bổ sung bằng tiền, nhưng căn cứ lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

|3|. Về dân sự: Bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản 02 khung cửa sổ cho người bị hại, nay người bị hại không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

|4|. Về các vấn đề khác: Chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius biển số 37S1- 05520 là phương tiện Phạm Văn D sử dụng để phạm tội là của bà Trần Thị C (mẹ đẻ của D), khi cho mượn xe bà C khụng biết D sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đó trả lại cho bà C.

|5|. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạm Văn D 08 (Tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 09/8/2017.

- Về án phí: Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL và NVLQ;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Công an huyện Nghi Lộc;
- THA dân sự, THA hình sự;
- Hồ sơ vụ án; Văn phòng TA (Lưu)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Phong